

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**
Số: **33/2022/QĐST-VDS**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Thành, ngày 28 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

***Anh Trần Quang D**, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

***Chị Phan Thị Trúc M**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Quang D và chị Phan Thị Trúc M kết hôn vào năm 2012, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do tính tình không còn phù hợp, không thể tiếp tục chung sống vì trong cuộc sống gia đình giữa hai người không còn tiếng nói chung. Cả anh D và chị M cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh D và chị M thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 01 con chung là Trần Phan Trúc Q, sinh ngày 05/02/2018. Anh chị thống nhất con chung sẽ sống với chị M, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị M và anh D đồng ý nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang D và chị Phan Thị Trúc M thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị M được quyền nuôi con là Trần Phan Trúc Q, sinh ngày 05/02/2018, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) **anh D và chị M phải** chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) **đã** nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001333 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh D và chị M đã nộp đủ lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TA tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
(**Đã ký**)

Trương Thị Tiến